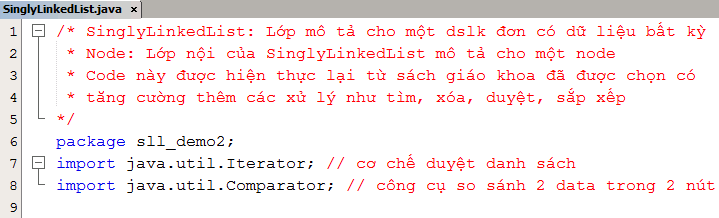
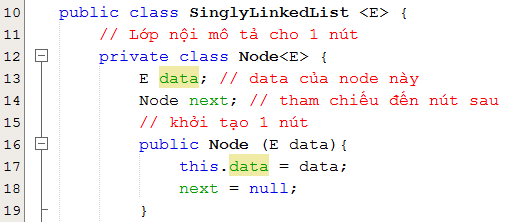
**Bài tập SLL 2**

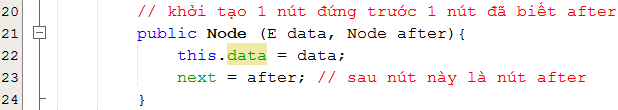
**Mục tiêu: Tự xây dựng lớp DSLK đơn mức tổng quát để dùng trong việc quản lý các nhóm**

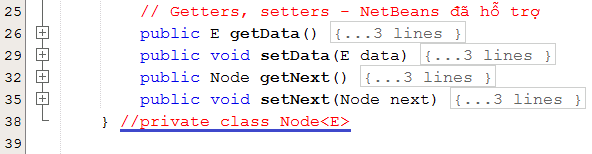
**Cấu trúc bài tập**

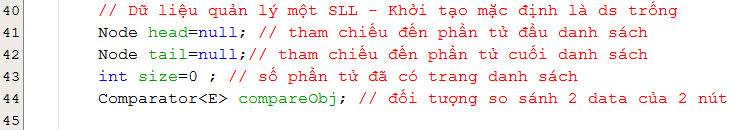
|  |  |
| --- | --- |
|  | SinglyLinkedList: Lớp cho một DSLK đơn tổng quát  IntSLL01: Chương trình demo quản lý một nhóm số Integer  Student: Lớp mô tả một sinh viên  StudentMng: Quản lý một danh sách sinh viên bằng SLL |

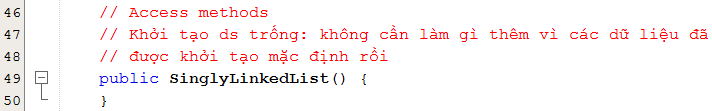


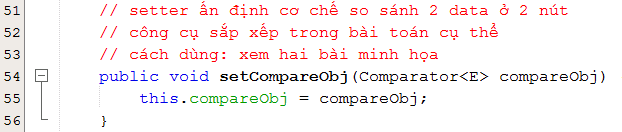
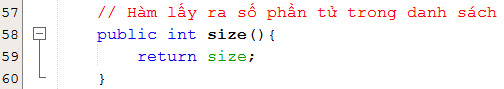


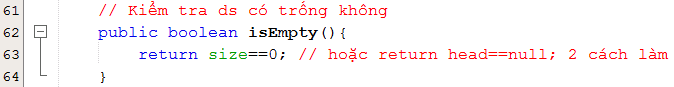


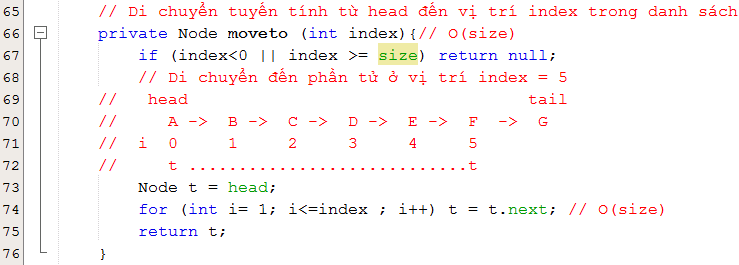


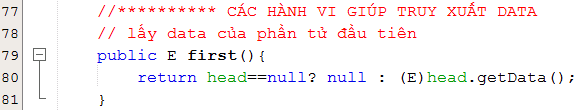


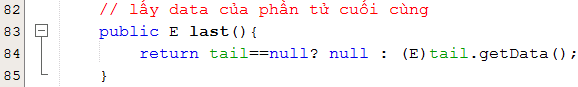


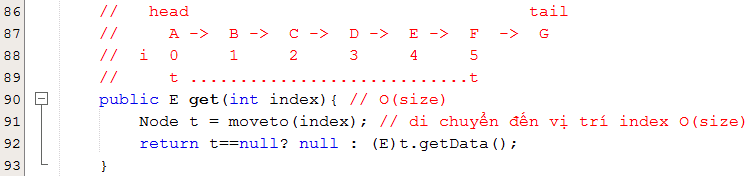
  


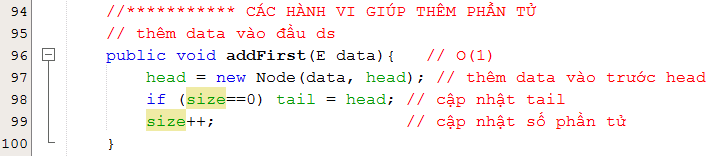


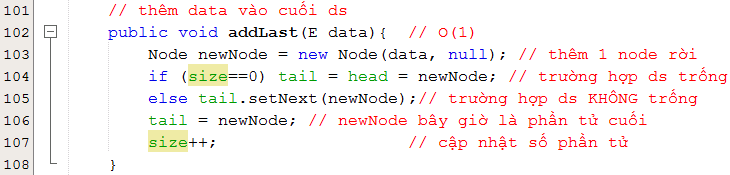


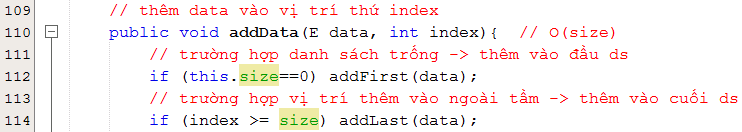


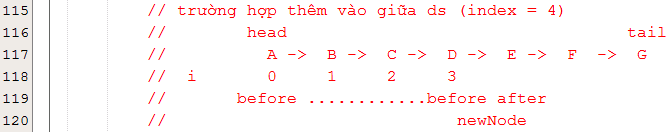


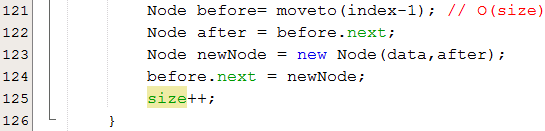


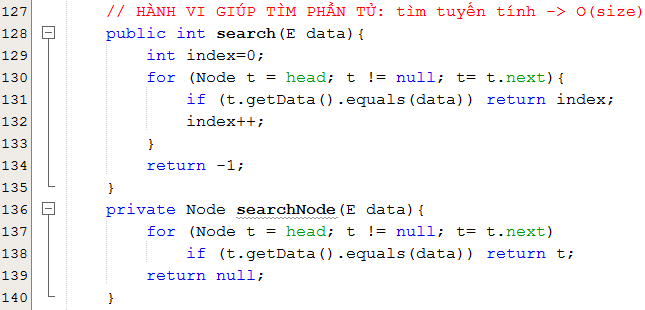


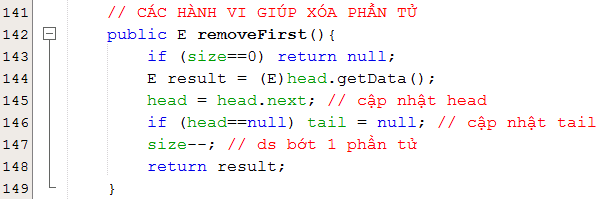


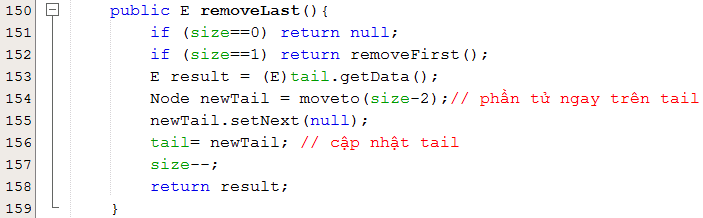


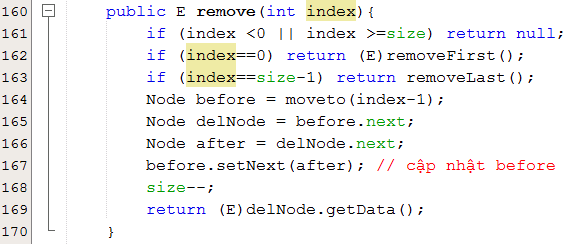


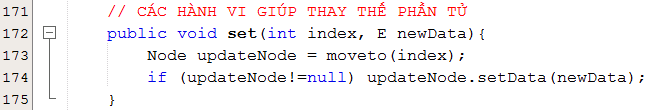


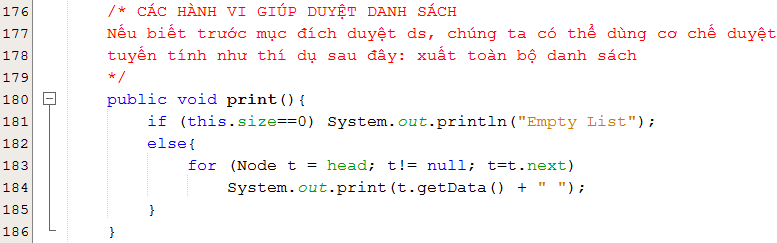


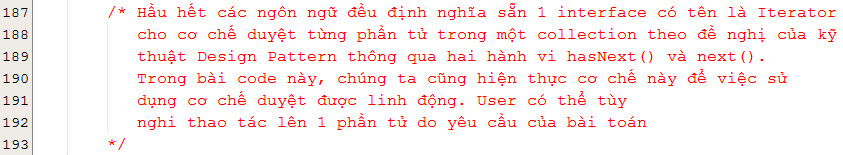


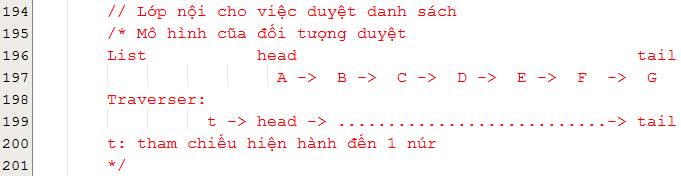


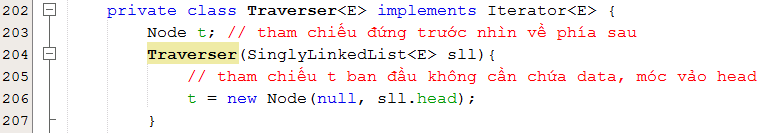


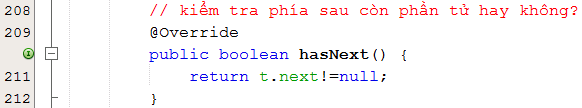


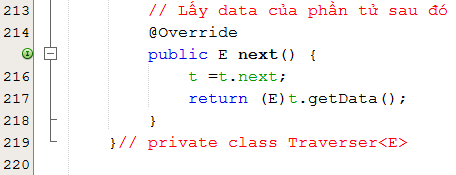


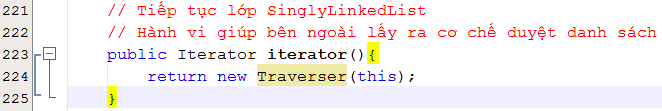


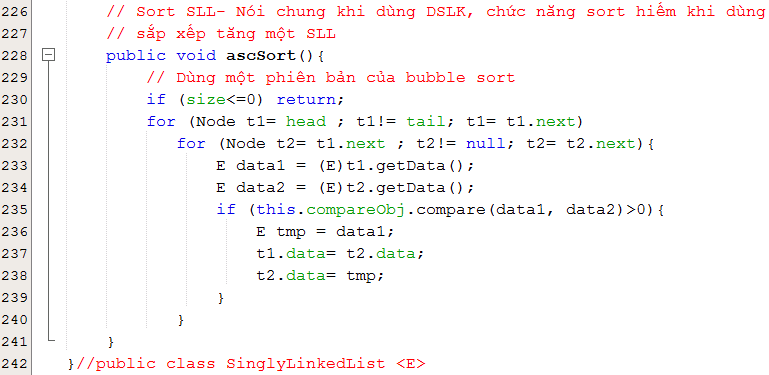




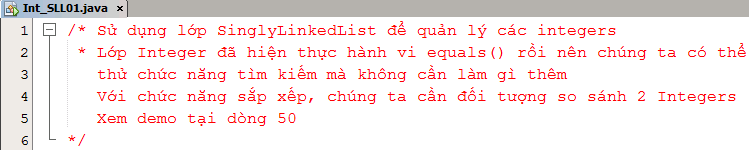


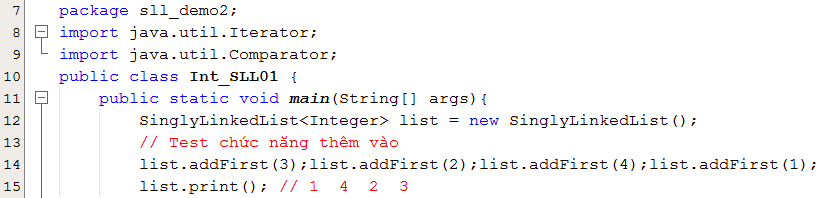


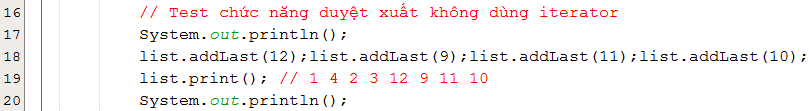


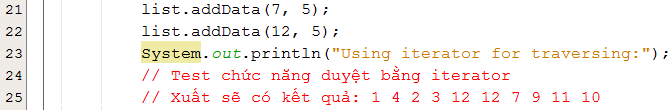


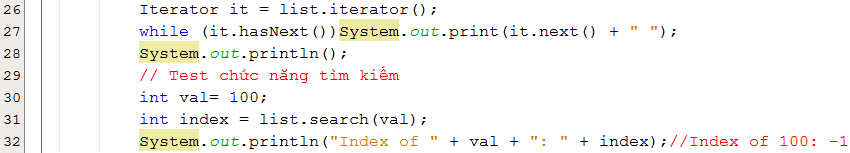
**Dùng SinglyLinkedList vừa tạo trên nhóm các số nguyên**

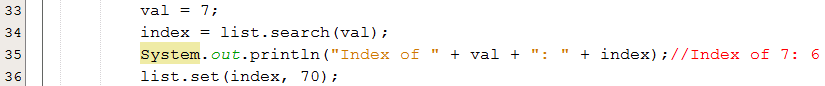


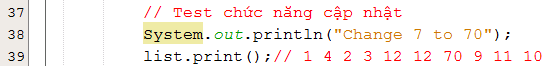


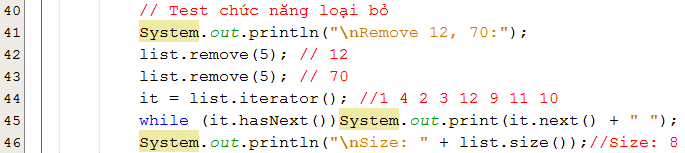


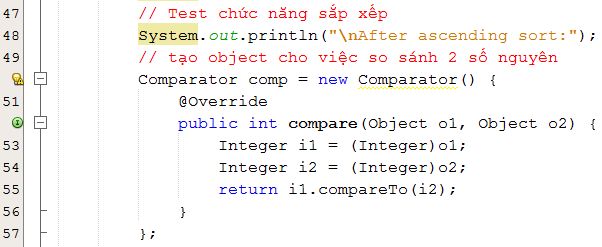


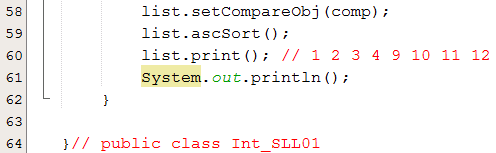












**Dùng SinglyLinkedList vừa tạo trên nhóm các Student**

